

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS – ST

Ngày 28/6/2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Huyền và bà Đặng Huyền Sâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2022/TB – TLVA ngày 03/11/2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 15/6/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị A – Sinh năm: 1965 - Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An - Có mặt.

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1971 - Trú tại: Thôn K, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị A trình bày:

Trong năm 2017 và năm 2018 bà Nguyễn Thị H có vay của bà Phan Thị A nhiều lần tiền với tổng số tiền là: 1.190.000.000 đồng, có giấy vay tiền và cam kết trả nợ, lãi suất theo ngân hàng thỏa thuận bằng miệng, cụ thể là: Ngày 18/01/2017 vay 100.000.000 đồng, ngày 02/01/2018 vay 100.000.000 đồng, ngày 15/11/2018 vay 50.000.000 đồng, ngày 10/12/2018 vay 240.000.000 đồng, ngày 13/12/2018 vay 100.000.000 đồng, ngày 18/12/2018 vay 500.000.000 đồng và ngày 20/12/2018 vay 100.000.000 đồng. Trong đơn khởi kiện, bà A yêu cầu bà H trả số tiền nợ là: 1.190.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà A thống nhất, ngày 27/11/2019 bà H đã

trả cho bà A tổng cộng 3 lần là 76.000.000 đồng (Ngày 28/12/2018 trả 36.000.000 đồng, ngày 29/7/2019 trả 20.000.000 đồng, ngày 10/10/2019 trả 10.000.000 đồng và ngày 27/11/2019 trả 10.000.000 đồng). Nay bà H còn nợ bà A số tiền là: 1.114.000.000 đồng, bà A đã hỏi bà H rất nhiều lần nhưng bà H vẫn không trả. Sau đó bà A tiếp tục đến nhà bà H để hỏi nợ và bà H xin trả cho bà A mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng sau đó bà H vẫn không trả như đã xin. Nay bà A yêu cầu bà H trả cho bà A số tiền nợ gốc còn lại là: 1.114.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm mười bốn triệu đồng), không yêu cầu bà H trả tiền lãi suất.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H có vay nhiều lần tiền của bà Phan Thị A như bà A khai theo các giấy vay tiền bà A giao nộp là đúng. Tuy nhiên, bà H đã trả hết cho bà A, khi trả nợ bà A không cho bà H thu hồi và hủy giấy vay tiền nên bà A tiếp tục sử dụng để kiện bà H. Số tiền nợ chỉ còn hai giấy vay số tiền 500.000.000 đồng và 100.000.000 đồng, tổng cộng là 600.000.000 đồng, bà A cho vay lãi nặng, với mức lãi là 4.000 đồng/ngày/1 triệu đồng, bà A đã tính số tiền lãi thêm 600.000.000 đồng nên tổng cộng số nợ bà A tính cho bà H là gần 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng) và bà H cũng đã trả hết nợ cho bà A theo bản kê khai bà H đã nộp cho Tòa án. Nên hiện tại bà H không nợ tiền bà A. Vì vậy, bà H không chấp nhận yêu cầu của bà A. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo pháp luật.

- Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Nhìn chung vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 274, Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị A số tiền nợ gốc còn lại là 1.114.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm mười bốn triệu đồng); Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” mà bị đơn cư trú tại, xã Phúc Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Đối với yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 1.190.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 1.114.000.000 đồng, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất. Xét yêu cầu của của nguyên đơn là hợp pháp, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét yêu cầu khởi kiện đã được sửa đổi, bổ sung của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Trong năm 2017 và 2018 bà Nguyễn Thị H có vay của bà Phan Thị A nhiều lần tiền với tổng số tiền là: 1.190.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng), có giấy vay tiền, hẹn thời gian trả nợ, cụ thể là: Ngày 18/01/2017 vay 100.000.000 đồng, ngày 02/01/2018 vay 100.000.000 đồng, ngày 15/11/2018 vay 50.000.000 đồng, ngày 10/12/2018 vay 240.000.000 đồng, ngày 13/12/2018 vay 100.000.000 đồng, ngày 18/12/2018 vay 500.000.000 đồng và ngày 20/12/2018 vay 100.000.000 đồng. Đến ngày 27/11/2019 bà H đã trả cho bà A tổng cộng 3 lần là 76.000.000 đồng (Ngày 28/12/2018 trả 36.000.000 đồng, ngày 29/7/2019 trả 20.000.000 đồng, ngày 10/10/2019 trả 10.000.000 đồng và ngày 27/11/2019 trả 10.000.000 đồng). Nay bà H còn nợ bà A số tiền là: 1.114.000.000 đồng, bà A đã hỏi bà H rất nhiều lần nhưng bà H vẫn không trả. Sau đó, bà A tiếp tục đến nhà bà H để hỏi nợ và bà H xin trả cho bà A mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng sau đó bà H vẫn không trả. Nay bà A yêu cầu bà H trả cho bà A số tiền nợ gốc còn lại là: 1.114.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm mười bốn triệu đồng), bà A không yêu cầu bà H trả tiền lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H nại rằng: Bà Nguyễn Thị H có vay nhiều lần tiền của bà Phan Thị A với tổng số tiền 1.190.000.000 đồng như bà A khai theo các giấy vay tiền bà A giao nộp là đúng. Tuy nhiên, bà H đã trả hết cho bà A, khi trả nợ bà A không cho bà H thu hồi và hủy giấy vay tiền nên bà A tiếp tục sử dụng để kiện bà H. Số nợ chỉ còn hai giấy vay số tiền 500.000.000 đồng và 100.000.000 đồng, tổng cộng là 600.000.000 đồng, bà A cho vay lãi nặng, với mức lãi là 4.000 đồng/ngày/1 triệu đồng, bà A đã tính số tiền lãi thêm gần 600.000.000 đồng nên tổng cộng số nợ bà A tính cho bà H là gần 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng) và bà H cũng đã trả

hết nợ cho bà A theo bản kê khai bà H đã nộp cho Tòa án. Nên hiện tại bà H không nợ tiền bà A. Vì vậy, bà H không chấp nhận yêu cầu của bà A.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình gồm:

Đối với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình gồm: Các giấy vay tiền mặt và cam kết trả nợ các ngày 18/01/2017 vay 100.000.000 đồng, ngày 02/01/2018 vay 100.000.000 đồng, ngày 15/11/2018 vay 50.000.000 đồng, ngày 10/12/2018 vay 240.000.000 đồng, ngày 13/12/2018 vay 100.000.000 đồng, ngày 18/12/2018 vay 500.000.000 đồng và ngày 20/12/2018 vay 100.000.000 đồng đều có chữ ký tại phần người vay tiền là Nguyễn Thị H và bà H cũng thừa nhận là chữ ký của bà H trong các giấy vay tiền này.

Hội đồng xét xử nhận định: Các giấy vay tiền mặt và cam kết trả nợ các ngày 18/01/2017, ngày 02/01/2018, ngày 15/11/2018, ngày 10/12/2018, ngày 13/12/2018, ngày 18/12/2018 và ngày 20/12/2018 do bà A cung cấp có căn cứ xác định bà H đã vay của bà A tổng cộng số tiền: 1.190.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng) và bà H cũng đã thừa nhận nhiều lần vay tiền bà A với tổng số tiền 1.190.000.000 đồng theo các giấy vay tiền bà A giao nộp là đúng. Nên có căn cứ kết luận bà Nguyễn Thị H đã vay của bà Phan Thị A tổng số tiền 1.190.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng).

Tuy nhiên, bà H nại rằng đã trả hết nợ cho bà A và bà A cho vay lãi nặng, với mức lãi thấp nhất là 4.000 đồng/ngày/1 triệu đồng và có lúc mức cao nhất là 10.000 đồng/ngày/1 triệu đồng. Để chứng minh cho lời nại của mình, bà H đã giao nộp các tài liệu chứng cứ gồm: 01 USB 32G (Màu đen) và bản tự khai ghi nội dung có trong USB; Các giấy vay tiền mặt và cam kết trả nợ (phô tô) các ngày 10/6/2018, ngày 16/6/2018 và ngày 24/6/2018; Bản kê khai trả tiền gốc và tiền lãi suất cho bà A (phô tô); Giấy trả nợ (phô tô).

Xét các tài liệu, chứng cứ do bà H giao nộp thấy rằng: Nội dung trong USB là việc bà A đưa người đến nhà bà H đòi số tiền nợ 1.200.000.000 đồng; Các giấy vay tiền mặt và cam kết trả nợ các ngày 10/6/2018, ngày 16/6/2018 và ngày 24/6/2018 bà H cho rằng là chứng cứ chứng A bà A cho vay lãi suất nặng lãi 4.000 đồng/1 ngày/1 triệu. Tuy nhiên, bà A không chấp nhận vì dòng chữ trong giấy vay tiền ngày 10/6/2018 do bà H giao nộp ghi: “Với lãi xuất 1 ngày x 1 triệu = 4 nghìn đồng trên 1 ngày” là do bà H tự viết chứ không phải bà A viết và bà H cũng thừa nhận là do bà H viết; Còn các con số viết trong các giấy vay tiền ngày 10/6/2018, ngày 16/6/2018, ngày 24/6/2018, bà H cho rằng là do bà A tính lãi suất 4.000 đồng/1 ngày/1 triệu. Tuy nhiên, bà A cũng không chấp nhận vì do bà H tự luận ra chứ bà A cũng không hiểu các con số đó có ý nghĩa như thế nào; Còn bản kê khai trả tiền gốc và tiền lãi suất cho bà A, bà H đã tự kê khai quá trình trả tiền gốc và lãi suất cho bà A. Tuy nhiên, bà A không chấp nhận do bà H tự kê khai chứ bà A không ký nhận tiền như bản kê khai do bà H đã tự kê khai để nộp cho Tòa án; Đối với giấy trả nợ tiền lãi có nội dung: “Ngày 28/12/2018 H trả

A nhận 36.000.000 đồng, H trả A nhận 20.000.000 đồng, ngày 10/10/2019 A nhận 10.000.000 đồng và ngày 27/11/2019 Đ nhận tiền 10.000.000 đồng” tổng cộng là 76.000.000 đồng, theo bà H khai là trả tiền lãi suất cho bà A. Tuy nhiên, trong giấy trả tiền không ghi rõ trả tiền lãi suất hay tiền gốc và bà A khai là trả tiền gốc. Nên cần xác định tổng số tiền 76.000.000 đồng bà H đã trả cho bà A là tiền gốc, để trừ vào tiền gốc cho bà H, như vậy là đảm bảo quyền lợi cho bà H.

Ngoài ra, bà H còn nại rằng: Bà H chỉ còn nợ bà A theo 2 giấy vay tiền 500.000.000 đồng và 100.000.000 đồng, tổng cộng là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), bà A tính lãi suất nặng lãi là 4.000 đồng/ngày/1 triệu đồng, bà A đã tính số tiền lãi suất thêm gần 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) nên tổng cộng số nợ bà A tính cho bà H để kiện là gần 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng). Tuy nhiên, số tiền gần 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng) bà H cũng đã trả hết cho bà A. Tuy nhiên, lời nại của bà H không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự không yêu cầu giám định các tài liệu chứng cứ đã giao nộp.

Như vậy, việc bà H vay bà A nhiều lần tiền với tổng số tiền là 1.190.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng), theo các giấy vay tiền mặt và cam kết trả nợ các ngày 18/01/2017, ngày 02/01/2018, ngày 15/11/2018, ngày 10/12/2018, ngày 13/12/2018, ngày 18/12/2018 và ngày 20/12/2018 là đúng. Bà H cũng thừa nhận chữ ký người vay tiền “Nguyễn Thị H” trong các giấy vay tiền mặt và cam kết trả nợ các ngày 18/01/2017, ngày 02/01/2018, ngày 15/11/2018, ngày 10/12/2018, ngày 13/12/2018, ngày 18/12/2018 và ngày 20/12/2018 là chữ ký của bà H. Bà H nại rằng chỉ còn nợ 2 giấy vay số tiền 500.000.000 đồng và 100.000.000 đồng, tổng cộng là 600.000.000 đồng và bà A tính lãi suất nặng lãi 4.000 đồng/1 ngày/1 triệu nên số nợ lên đến gần 1.200.000.000 đồng và bà H đã trả hết nợ cho bà A.

Tuy nhiên, lời nại của bà H không có căn cứ vì bà H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Mặc dù bà H có giao nộp cho Tòa án USB và cho rằng USB có chứa nội dung bà A cho vay lãi nặng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định USB bằng việc mở USB cho các đương sự cùng nghe thì nội dung ghi trong USB bà H giao nộp cho Tòa án chỉ thu được nội dung: “Bà Phan Thị A đưa người vào nhà bà Nguyễn Thị H đòi nợ số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng). Bà Nguyễn Thị H xin trả dần cho bà Phan Thị A mỗi tháng 3.000.000 đồng và trả theo quy định của pháp luật nhưng bà Phan Thị A không chấp nhận và bà A yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả 20.000.000 đồng/tháng. Hai bên lời qua tiếng lại về việc trả nợ”; Còn các giấy vay tiền có ghi lãi suất 4.000 đồng và có các con số tính toán trên giấy, bà H cho rằng bà A đã tính lãi suất nặng lãi nhưng không có cơ sở để xác định bà A tính lãi suất nặng lãi như bà H khai và không có căn cứ chứng A bà A đã nhận

tiền lãi suất nặng lãi do bà H trả như bà H khai; Đối với bản kê khai do bà H tự kê khai việc trả tiền gốc và lãi suất cho bà A cũng không có cơ sở để chấp nhận do bà A không ký nhận và bà A nại rằng do bà H tự kê khai và bà A không ký nhận và không nhận tiền như bà H kê khai.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định, vào các ngày 18/01/2017, ngày 02/01/2018, ngày 15/11/2018, ngày 10/12/2018, ngày 13/12/2018, ngày 18/12/2018 và ngày 20/12/2018 bà Nguyễn Thị H đã vay của bà Phan Thị A tổng số tiền 1.190.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng). Đến ngày 27/11/2019 bà H đã trả cho bà A tổng cộng 3 lần là 76.000.000 đồng. Nên bà H còn nợ bà A số tiền còn lại là: 1.114.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm mười bốn triệu đồng). Bà A đã hỏi bà H rất nhiều lần nhưng bà H vẫn không trả. Sau đó, bà A tiếp tục đến nhà bà H để hỏi nợ và bà H xin trả cho bà A mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng sau đó bà H vẫn không trả. Nay bà A yêu cầu bà H trả cho bà A số tiền nợ gốc còn lại là: 1.114.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm mười bốn triệu đồng) là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị A số tiền gốc còn lại là: 1.114.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm mười bốn triệu đồng) theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Về tiền lãi suất: Bà A không yêu cầu bà H trả tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí:* Do yêu cầu của bà Phan Thị A được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H phải nộp 45.420.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Phan Thị A số tiền 11.925.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Điều 274, Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã được sửa đổi của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị A số tiền nợ gốc là: 1.114.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3/ Về án phí: - Buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp 45.420.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Phan Thị A số tiền tạm ứng án phí 11.925.000 đồng (Mười một triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000260 ngày 03/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Lệ Hằng

